

Đà Nẵng

Kết quả thực hiện các Hiệp định Thương mại Tự do của địa phương

Khá

NHÓM 4/6

XẾP LOẠI

Khá

Nhóm 4/6 — Hạng 14/34 tỉnh được đánh giá.

ĐIỂM TỔNG HỢP

23,20 / 40

Cao hơn mức trung bình cả nước (21,66) 1,54 điểm.

TRỤ CỘT MẠNH NHẤT

9 / 34

Thực hiện pháp luật — mảng vững nhất của thành phố (+1,14 trên mức trung bình).

TỔNG QUAN BỐN TRỤ CỘT

A TIẾP CẬN THÔNG TIN

HẠNG 15 / 34

4,75 / 10 -0,04 so với trung bình cả nước

B THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

HẠNG 9 / 34

6,34 / 10 +1,14 so với trung bình cả nước

C CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

HẠNG 22 / 34

5,54 / 10 -0,28 so với trung bình cả nước

D PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

HẠNG 19 / 34

6,19 / 10 +0,22 so với trung bình cả nước

★ ĐIỂM MẠNH CHÍNH

- #10 A9 — Chất lượng thông tin FTA trên cổng điện tử
- #11 B1 — Mức độ nắm rõ VBPL thực thi FTA
- #11 B7 — Mức độ tiếp thu góp ý/phản hồi doanh nghiệp
- #13 A1 — Hiểu biết chung về FTA đã ký kết

NHỮNG LĨNH VỰC CẦN CẢI THIỆN

- #34 A3 — Hình thức tiếp cận thông tin về FTA
- #31 C4 — Số nhóm cam kết được khai thác
- #31 C5 — Rào cản tận dụng FTA
- #25 A8 — Chất lượng thông tin dự báo, định hướng xuất khẩu do CQQLNN địa phương cung cấp

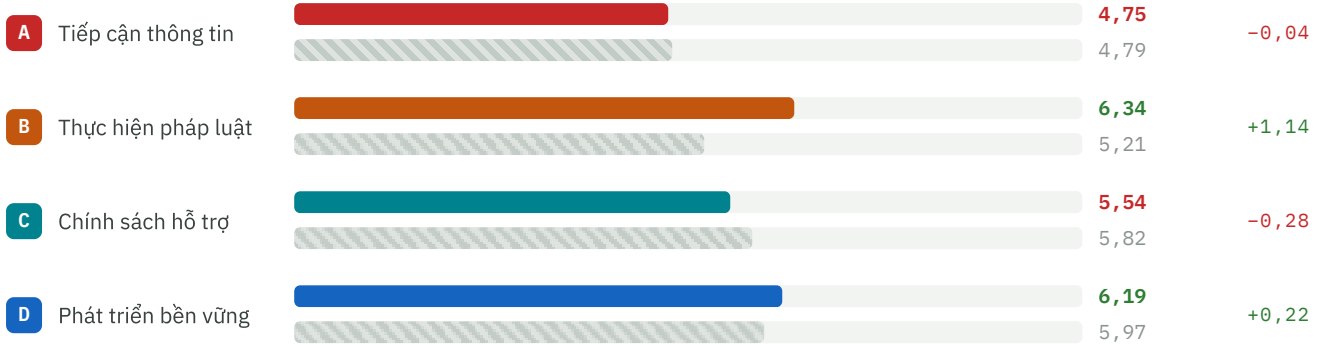
NGUỒN: FTA INDEX 2025 (TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG THỰC HIỆN CHO BỘ CÔNG THƯƠNG); KHẢO SÁT 4.066 DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU. ĐIỂM CHỈ SỐ THÀNH PHẦN TRÊN THANG 10; ĐIỂM TỔNG HỢP TRÊN THANG 40. XẾP HẠNG TRÊN TỔNG SỐ 34 TỈNH.

01 Tổng quan kết quả

Đà Nẵng đạt 23,20/40 điểm, thuộc nhóm “Khá” và xếp hạng 14/34 tỉnh, thành phố, cao hơn 1,54 điểm so với mức trung bình cả nước. Hồ sơ của thành phố nổi bật ở sự cân bằng hơn là những lợi thế vượt trội: kết quả của cả bốn trụ cột đều tương đối gần mức trung bình quốc gia, trong đó thực thi pháp luật là trụ cột khả quan nhất, cao hơn trung bình 1,14 điểm. Đối với một trung tâm kinh tế ven biển, kết quả này vẫn còn khiêm tốn. Hai điểm nghẽn nổi bật là sự đa dạng của các hình thức tiếp cận thông tin (A3) xếp cuối bảng và chiều sâu tận dụng FTA còn hạn chế, khi số nhóm cam kết được khai thác (C4) và rào cản thực thi (C5) cùng xếp hạng 31.

KẾT QUẢ TRÊN BỐN TRỤ CỘT

Đà Nẵng Trung bình cả nước



BẢNG 1 · ĐIỂM CHỈ SỐ THÀNH PHẦN TRÊN THANG 10 · ĐÀ NẴNG SO VỚI TRUNG BÌNH CẢ NƯỚC TRÊN 34 TỈNH

02 Phân tích chi tiết theo chỉ số thành phần

A CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 1 Tiếp cận thông tin

4,75/10

HẠNG 15 / 34 · -0,04

TỔNG QUAN

Mức độ hiểu biết của doanh nghiệp về FTA (A1, **hạng 13**) và chất lượng thông tin FTA trên cổng điện tử địa phương (A9, **hạng 10**) đạt kết quả tương đối khả quan. Tuy nhiên, sự đa dạng của các hình thức tiếp cận thông tin (A3) xếp cuối cả nước; nguồn thông tin về sự kiện (A6), chất lượng sự kiện truyền thông (A7) và thông tin dự báo, định hướng xuất nhập khẩu (A8) đều thuộc nhóm **hạng 20–25**. Điều này cho thấy doanh nghiệp đã có nhận thức nhất định về FTA, nhưng hệ thống truyền tải thông tin vẫn thiếu độ bao phủ và chưa đáp ứng đồng đều nhu cầu của các nhóm doanh nghiệp.

KÊNH TIẾP CẬN THEO LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

Hội nghị và hội thảo tiếp cận 68,1% doanh nghiệp, mạng xã hội đạt 60,4%, còn tập huấn và trang thông tin điện tử cùng đạt 50,5%. Doanh nghiệp vừa và FDI sử dụng đa dạng kênh tiếp cận thông tin, trong khi doanh nghiệp nhỏ phụ thuộc nhiều vào mạng xã hội và ít tham gia các hoạt động đào tạo chính thức. Khoảng 48,8% doanh nghiệp cho rằng thông tin từ cơ quan trung ương và địa phương đáp ứng phần lớn hoặc đầy đủ nhu cầu; tỷ lệ này đạt 59–69% ở doanh nghiệp lớn và FDI nhưng chỉ khoảng 30–32% ở doanh nghiệp nhỏ và vừa. Mặc dù chuyên môn của diễn giả nhận được 83,3% đánh giá tích cực, tính phù hợp với hoạt động kinh doanh và mức độ tương tác chỉ đạt lần lượt 46,3% và 40,3%.

Đà Nẵng 4,75

Trung bình cả nước 4,79

XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

#10 Thông tin FTA trên cổng điện tử

#13 Hiểu biết chung về FTA đã ký kết

#20 Cơ quan cung cấp thông tin FTA

#24 Chất lượng sự kiện về FTA

#25 Thông tin dự báo, định hướng xuất nhập khẩu

#34 Hình thức tiếp cận thông tin

B CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 2 Thực hiện quy định pháp luật theo FTA

6,34/10

HẠNG 9 / 34 · +1,14

TỔNG QUAN

Đây là trụ cột có kết quả nổi bật nhất của Đà Nẵng. Mức độ nắm rõ các VBPL (B1) và khả năng cơ quan QLNN tại địa phương ghi nhận,

Đà Nẵng

6,34

tiếp thu ý kiến doanh nghiệp (B7) cùng xếp **hạng 11**; chất lượng hướng dẫn VBPL (B3) xếp **hạng 12**, còn mức độ phức tạp khi tuân thủ (B4) xếp **hạng 14**. Mức độ tham gia tập huấn VBPL (B5, **hạng 18**) và phản hồi, góp ý của doanh nghiệp (B6, **hạng 20**) có kết quả thấp hơn nhưng vẫn tương đối gần mức trung bình cả nước.

CHIỀU SÂU HIỂU BIẾT THEO LĨNH VỰC

Khoảng 55,6–58,2% doanh nghiệp nắm rõ ưu đãi thuế quan và quy tắc xuất xứ, nhưng tỷ lệ hiểu rõ SPS, môi trường, sở hữu trí tuệ và TBT chỉ đạt 27,5–31,1%. Hoạt động hướng dẫn VBPL tiếp cận khoảng 21–43% doanh nghiệp, trong đó độ bao phủ thấp nhất nằm ở SPS, TBT và môi trường. Dù có nền tảng nhận thức pháp lý tương đối tốt, khoảng 51–68% doanh nghiệp vẫn đánh giá các lĩnh vực pháp luật chủ yếu là phức tạp. Doanh nghiệp vừa gặp nhiều khó khăn với SPS, TBT, sở hữu trí tuệ và quy tắc xuất xứ, trong khi doanh nghiệp lớn và FDI cho biết khó khăn chủ yếu ở phòng vệ thương mại, lao động và môi trường.



C CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 3
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng FTA

5,54 /10

HẠNG 22 / 34 · -0,28

TỔNG QUAN

Khả năng tiếp cận chính sách hỗ trợ (C6) và hiệu quả thực thi chính sách hỗ trợ của cơ quan QLNN địa phương (C7) cùng xếp **hạng 17**, còn mức độ tận dụng FTA do doanh nghiệp tự đánh giá (C1) xếp **hạng 19**, tương đối gần mức trung bình cả nước. Tuy nhiên, số nhóm cam kết được khai thác (C4) và rào cản khi tận dụng FTA (C5) cùng xếp **hạng 31**, trong khi khả năng đáp ứng nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp (C8) xếp **hạng 26**. Kết quả cho thấy doanh nghiệp đã tham gia tận dụng FTA nhưng phạm vi khai thác và mức độ hỗ trợ chuyên sâu còn hạn chế.

CƠ CẤU TẬN DỤNG & HIỆU QUẢ CHƯƠNG TRÌNH

Hoạt động tận dụng tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực truyền thống: ưu đãi thuế quan (84,6%) và quy tắc xuất xứ (79,1%). Ngoài phòng vệ thương mại, không có cam kết mới nào được khai thác rộng, chỉ dưới 25% doanh nghiệp cho biết có tận dụng; tỷ lệ tận dụng SPS và TBT chỉ đạt 2,2%. Các chương trình đào tạo, xúc tiến thương mại và hỗ trợ thủ tục hành chính nhận được khoảng 53–68% đánh giá tích cực, nhưng hỗ trợ về công nghệ, thương hiệu, tài chính, kết nối doanh nghiệp nước ngoài và phòng vệ thương mại chỉ đạt 24–33%. Chương trình xúc tiến được đánh giá tương đối tốt về tài liệu và tính phù hợp (47–50%), nhưng chỉ 32,8% doanh nghiệp ghi nhận kết quả thương mại thực tế (tìm được đối tác, ký kết hợp đồng) sau chương trình.



D CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 4
Cam kết phát triển bền vững

6,19 /10

HẠNG 19 / 34 · +0,22

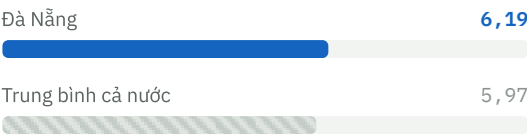
TỔNG QUAN

Hiệu quả hỗ trợ của cơ quan nhà nước (D4, **hạng 18**) là chỉ tiêu gần mức trung bình nhất. Mức độ hiểu biết về các cam kết PTBV (D1) xếp **hạng 20**, chất lượng các hình thức hỗ trợ (D6) xếp **hạng 21**, còn

nhận thức về tác động quy định PTBV đối với hoạt động kinh doanh (D2) và mức độ sẵn sàng đáp ứng các quy định PTBV (D3) cùng xếp **hạng 22**. Nhận thức về tầm quan trọng của việc tuân thủ các yêu cầu PTBV tại thị trường nhập khẩu (D5) xếp **hạng 24**. Trụ cột này không có điểm yếu đặc biệt nghiêm trọng nhưng cũng chưa hình thành được lợi thế nổi bật.

NHẬN THỨC & MỨC ĐỘ CHUẨN BỊ

Khoảng 49–55% doanh nghiệp hiểu các cam kết chung về lao động và môi trường, nhưng tỷ lệ này chỉ đạt 22–28% đối với EUDR, SCDDD, CBAM và kinh tế tuần hoàn. Nhận thức về tác động của các yêu cầu PTBV cũng khác biệt rõ theo loại hình sở hữu: tỷ lệ doanh nghiệp FDI cho biết chịu ảnh hưởng lớn đối với quy định môi trường hơn doanh nghiệp tư nhân (44,1% so với 6,2%), lao động (33,3% so với 10,4%) và CBAM (18,2% so với 2,1%). Mức độ chuẩn bị đạt 67% đối với môi trường và 58,4% đối với lao động nhưng chỉ khoảng 30–35% ở các yêu cầu chuyên biệt. Hỗ trợ của cơ quan QLNN tại địa phương nhận được 43–60% đánh giá tích cực, trong khi khoảng 27–30% doanh nghiệp FDI cho biết chưa nhận được hỗ trợ ở một số lĩnh vực chuyên sâu.



XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

- #18 Hiệu quả hỗ trợ từ CQQLNN địa phương
- #20 Mức độ hiểu biết về cam kết PTBV
- #21 Chất lượng các hình thức hỗ trợ
- #22 Nhận thức tác động của các cam kết PTBV
- #22 Mức độ sẵn sàng đáp ứng cam kết PTBV
- #24 Nhận thức tầm quan trọng của việc tuân thủ

03 Kết luận & hàm ý

ĐIỂM MẠNH CẦN PHÁT HUY

- **Thực thi pháp luật là trụ cột nổi bật nhất**, với mức độ nắm rõ văn bản pháp luật và khả năng cơ quan nhà nước tiếp thu ý kiến doanh nghiệp cùng xếp **hạng 11**, còn chất lượng hướng dẫn xếp **hạng 12**.
- **Doanh nghiệp có nền tảng nhận thức tương đối tốt về FTA**, thể hiện qua mức độ hiểu biết xếp **hạng 13** và thông tin FTA trên cổng điện tử địa phương xếp **hạng 10**.
- **Kết quả tương đối đồng đều giữa bốn trụ cột**, không xuất hiện khoảng cách quá lớn và tạo nền tảng thuận lợi cho những cải thiện có trọng tâm.

HẠN CHẾ CẦN CẢI THIẾN

- **Sự đa dạng của các hình thức tiếp cận thông tin xếp cuối cả nước**, cho thấy hệ thống truyền tải thông tin chưa phát huy đầy đủ hiệu quả dù doanh nghiệp đã có mức độ nhận thức tương đối tốt.
- **Chiều sâu tận dụng FTA còn hạn chế**, khi số nhóm cam kết được khai thác và mức độ rào cản cùng xếp **hạng 31**; hoạt động sử dụng gần như chỉ tập trung vào thuế quan và quy tắc xuất xứ.
- **Năng lực đáp ứng các yêu cầu PTBV vẫn dưới mức trung bình**, đặc biệt về sự chuẩn bị và nhận thức đối với các yêu cầu chuyên biệt tại thị trường nhập khẩu.

1 **Nâng cao truyền thông về FTA**

Đa dạng hóa các kênh truyền thông, chủ động cập nhật qua email, Zalo, mạng xã hội và hiệp hội ngành hàng; đồng thời cung cấp thông tin rõ ràng hơn về sự kiện, quy tắc xuất xứ và thủ tục FTA.

A3 · 34 → cải thiện thứ hạng

2 **Tăng chiều sâu tận dụng FTA**

Triển khai các chương trình thực hành về quy tắc xuất xứ, chứng nhận C/O, ưu đãi thuế quan, SPS, TBT, phòng vệ thương mại và các cam kết hiện chưa được doanh nghiệp khai thác.

C4/C5 · 31 → cải thiện thứ hạng

3 **Nâng cao mức độ sẵn sàng về phát triển bền vững**

Xây dựng hướng dẫn theo ngành về tiêu chuẩn môi trường, lao động, truy xuất nguồn gốc và trách nhiệm chuỗi cung ứng cho doanh nghiệp xuất khẩu sang các thị trường thuộc EVFTA và CPTPP.

D5 · 24 → cải thiện thứ hạng

4 **Thiết lập đầu mối hỗ trợ FTA cấp thành phố**

Hình thành cơ chế điều phối thống nhất giữa cung cấp thông tin, hướng dẫn pháp lý, chính sách hỗ trợ và xúc tiến thương mại; tham khảo kinh nghiệm từ các địa phương dẫn đầu để nâng cao hiệu quả triển khai.

Mục tiêu: hỗ trợ có trọng tâm



MỤC TIÊU

Chuyển từ kết quả đồng đều ở mức khá sang lợi thế khác biệt thông qua các chương trình hỗ trợ có trọng tâm và phù hợp với từng ngành